

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Bản án số: 195/2021/HSST

Ngày: 09/4/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trương Thị Thìn

-Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy
Sỹ – Kiểm sát viên.*

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 156/2021/HSST ngày 12/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/HSST ngày 29/3/2021 đối với bị cáo:

Phạm Tuấn A; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1987 tại B.

HKTT: Thông L, xã D, huyện Y, tỉnh B.

Nơi cư trú: tổ 20C1, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Phạm Văn D, sinh năm: 1964; Con bà: Phạm Thị Nn, sinh năm 1964;

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình và có vợ tên Dương Thị Tuyết A, sinh năm 1994 (đã ly hôn năm 2017), có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án. Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 01/11/2020, đến ngày 10/11/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

Bị hại: Anh Lê Văn T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Phòng trọ số 6 - thuộc khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đ – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Anh Vũ Văn D,** sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B – Vắng mặt.

2. **Anh Lê Bình D,** sinh năm 1985.

Địa chỉ: 2338, đường Nguyễn Ái Q, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 28/10/2020, Phạm Tuấn **A** biết anh Lê Văn T, sinh năm 1997, thuê trọ tại phòng trọ số 6 thuộc khu phố 3, phường B, thành phố B không có ở nhà nên A đã dùng 01 cái kìm bấm bằng inox đi đến nhà trọ của anh T và dùng kìm cắt đứt ổ khóa của phòng trọ, đột nhập vào trong lấy trộm tài sản gồm 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen, 01 bàn phím, 01 con chuột máy tính, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar. Sau đó Tuấn **A** mang máy tính, bàn phím và con chuột máy tính bán cho anh Vũ Văn D được 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng) còn điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar thì mang đến tiệm cầm đồ “Dương Hồng L”, thuộc khu phố C, phường H, thành phố B do anh Lê Bình D làm chủ và cầm được 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), số tiền trên Tuấn **A** đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị mất tài sản anh T đã trình báo sự việc lên Công an phường B lập hồ sơ chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo quy định.

Vật chứng của vụ án:

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen, 01 bàn phím, 01 con chuột máy tính, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar.
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố **B** đang tạm giữ 01 cái kìm bấm bằng inox là công cụ phạm tội.
- Tại bản kết luận định giá tài sản số 488 ngày 02/11/2020 của hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen, 01 bàn phím, 01 con chuột máy tính, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar có tổng giá trị là 3.604.000 đồng (ba triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Lê Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường; các anh Vũ Văn D và Lê Bình D không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 183/CT-VKSBH ngày 10/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố bị cáo Phạm Tuấn **A** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo: Từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được traA tưng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an TP. B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận do muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 09 giờ ngày 28/10/2020, tại phòng trọ số 6 thuộc khu phố 3, phường B, thành phố B, bị cáo đã có hành vi lấy trộm của anh Lê Văn T 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen, 01 bàn phím, 01 con chuột máy tính, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar có tổng giá trị là 3.604.000đ, sau đó bị cáo mang máy tính, bàn phím và con chuột máy tính bán cho anh Vũ Văn D được 1.700.000đ còn điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar thì mang đến tiệm cầm đồ “Dương Hồng L” của anh Lê Bình D cầm được 500.000đ tiêu xài cá nhân hết.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về phần dân sự: Anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác; các anh Vũ Văn D và Lê Bình D cũng không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cái kìm bấm bằng inox là công cụ bị cáo dùng phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định.

[7] Về vấn đề khác:

Đối với anh Vũ Văn D và Lê Bình D khi mua tài sản của Tuấn A, không biết tài sản do trộm cắp được mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý là phù hợp.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án, được trừ đi thời gian bị giam giữ trước từ ngày 01/11/2020 đến ngày 10/11/2020.

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 cái kim bấm bằng inox theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CATP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo – Bị hại;
- Người có QLNVLQ
- Lưu.

Bùi Lan Hương

